

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 30/9/2020

“V/v ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thu

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Hoan

2. Bà Ngô Thị Thời

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Hồng Quỳnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 401/2020/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ph, sinh năm 1992

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1987

Đều ĐKKHKT; trú tại: 15A/11/128 phố V, khu 5, phường V, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Đều có mặt).

- Người làm chứng:

- Ông Lê Ngọc Th, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn Th, xã Th, huyện Th, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn L, xã Th, huyện Th, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Ph trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị và anh Nguyễn Văn D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện Th, tỉnh Hải Dương vào ngày 25/8/2014. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần. Không những thế anh D còn không quan tâm đến chị. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau, có lần cãi nhau vợ chồng đã dọn ra ở riêng. Khoảng tháng 01 năm 2020, chị đã làm đơn xin ly hôn anh D nhưng sau đó chị nghĩ thương con nên đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ. Nhưng từ khi chị rút đơn xin ly hôn, anh D vẫn không thay đổi, vẫn chơi bời cờ bạc và thỉnh thoảng còn xúc phạm chị. Đến nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

- **Về quan hệ con chung:** Chị Ph xác định chị và anh D có 01 con chung là Nguyễn Bảo S, sinh ngày 20/5/2015. Ly hôn do cháu S còn nhỏ nên chị xin nhận nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay chị là viên chức trường Cao đẳng dược Trung ương Hải Dương thu nhập bình quân khoảng 10.000.000đ/tháng. Thời gian làm việc giờ hành chính, ngày làm việc 8 tiếng, chị không phải trực đêm và được nghỉ thứ 7, chủ nhật đủ thời gian và điều kiện chăm sóc con. Về chỗ ở hiện nay chị đang ở tại ngôi nhà là tài sản của chị và anh D ở Khu 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương. Nếu sau này chị và anh D bán ngôi nhà là tài sản chung đi thì chị sẽ mua nhà chung cư để chị và con ở. Chị khẳng định sẽ đảm bảo mọi điều kiện về vật chất để nuôi dưỡng cháu D được tốt nhất.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Chị Ph xác định vợ chồng có 01 ngôi nhà cấp 04 làm trên diện tích đất 60,3m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chị và anh D; Địa chỉ: Tại số 15A/11/128 phố V, khu 5, phường V, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Về tài sản chung giữa chị và anh D sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh D xác định về thời gian kết hôn, điều kiện kết

hôn chị Phụng trình bày là đúng. Quá trình chung sống chị Ph tính cách lạnh nhạt, đối nhân xử thế với gia đình bên nội rất kém, ít khi về quê thăm bố mẹ. Chị Ph trình bày anh chơi bời, cờ bạc là không đúng, số tiền anh làm được anh đều đã chuyển cho chị Ph. Lúc đầu chị Ph làm đơn xin ly hôn anh, anh không đồng ý vì xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng sau đó chị Ph có thái độ và lời nói không đúng mực với gia đình anh, anh nhận thấy chị Ph không xứng đáng với sự quan tâm của anh và gia đình dành cho chị Ph nên đến nay anh đồng ý ly hôn chị Ph.

- **Về quan hệ con chung:** Anh D xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Bảo S, sinh ngày 20/5/2015. Quan điểm của anh D xin nhận nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị Ph cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay anh làm Quản lý sản xuất tại công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ H; Địa chỉ: Thôn Tr, thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương. Thu nhập khoảng 25.000.000đ đến 30.000.000đ/tháng, thời gian làm việc giờ hành chính từ 8 giờ đến 17 giờ hàng ngày nên đảm bảo việc đưa đón, chăm sóc, nuôi dạy con. Về chỗ ở nếu ngôi nhà là tài sản chung của vợ chồng sau này thỏa thuận bán đi thì anh sẽ về nhà bác ở sau đó sẽ mua đất làm nhà để hai bố con anh ở. Nếu Tòa án giao con cho anh nuôi dưỡng anh sẽ đảm bảo điều kiện vật chất, chỗ ăn ở để chăm sóc con được tốt nhất.

- **Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:** Anh D thống nhất với lời trình bày của chị Ph về tài sản chung vợ chồng. Anh và chị Ph tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại địa phương theo ông Đồng Đức V – Trưởng khu 7, phường Vi, thành phố H cung cấp: Vợ chồng chị Ph, anh D mua đất xây nhà về sinh sống tại Khu 7, phường V, thành phố H được khoảng 03 năm. Quá trình sống tại địa phương vợ chồng anh chị P - D chấp hành tốt chính sách pháp luật, nghĩa vụ nơi cư trú. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ph, anh D ông không nắm được vì chị Ph anh D không nhờ khu tiến hành hòa giải. Nay chị Ph làm đơn xin ly hôn anh D, quan điểm của khu đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Người làm chứng ông Lê Ngọc Th (bố đẻ chị Ph) trình bày:

Chị Ph, anh D kết hôn vào năm 2014. Quá trình chung sống sau khi chị Ph sinh con thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân ông cũng chỉ nghe chị Ph nói là do anh D chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần, vợ chồng cãi nhau, không tôn trọng nhau. Có lần chị Ph đã về nhà ông ở một thời gian sau đó anh D xin lỗi vợ chồng lại về chung sống với nhau. Thời gian gần đây vợ chồng chị Ph, anh D lại

mâu thuẫn. Ông và gia đình có khuyên bảo chị Ph suy nghĩ kỹ trước khi quyết định ly hôn. Nay quan điểm của ông tùy thuộc vào quyết định của chị Ph và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Th xác định chị Ph và anh D có 01 con chung là Nguyễn Bảo S. Do hiện nay cháu S còn nhỏ, chị Ph hiện là viên chức trường Cao đẳng được Hải Dương, thời gian làm việc hành chính, được nghỉ thứ bảy, chủ nhật nên có nhiều thời gian quan tâm, chăm sóc cho cháu S. Ông Th đề nghị Tòa án giao con cho chị Ph nuôi dưỡng. Gia đình ông sẽ tạo mọi điều kiện để chăm sóc cháu S cùng chị Ph và sẽ mua nhà chung cư để cho mẹ con chị Ph ở để nuôi dạy cháu S đến khi trưởng thành.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn T (bố đẻ anh D) trình bày:

Chị Ph, anh D kết hôn vào năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị Ph - D không sinh sống cùng gia đình ông mà sinh sống trên thành phố Hải Dương. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng anh chị Ph- D chung sống hạnh phúc, tuy nhiên cách đây khoảng 02 năm chị Phượng sống lạnh nhạt với gia đình nhà chồng, không quan tâm đến bố mẹ chồng, còn việc anh chị ấy có cãi nhau hay không thì ông không lắm được. Khi chị Ph làm đơn xin ly hôn anh D không nói gì với vợ gia đình ông mà chỉ có anh D nói chuyện. Ông cũng khuyên bảo anh D nên xem xét lại lý do tại sao chị Ph lại làm đơn xin ly hôn. Đến nay quan điểm của ông tùy thuộc vào quyết định của anh chị ấy, nếu chị Ph kiên quyết xin ly hôn anh D thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống anh chị Ph D có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo S. Gia đình ông có nguyện vọng mong Tòa án giải quyết cho anh D được nuôi con vì xét về kinh tế, chỗ ở anh D có điều kiện hơn chị Ph. Sau khi anh chị Ph D ly hôn nếu ngôi nhà là tài sản chung của vợ chồng bán đi thì anh D sẽ ra ở nhờ nhà anh trai ông và sau đó gia đình sẽ thu xếp mua đất làm nhà cho bố con anh D ở. Vợ chồng ông cũng sẽ tạo mọi điều kiện để chăm sóc cháu S cùng anh D.

Tại phiên toà: Nguyên đơn chị Phượng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con với anh D. Chị Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Bị đơn anh D đồng ý ly hôn chị Ph và xin nhận nuôi con. Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án

của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 229, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 -12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Lê Thị Ph ly hôn anh Nguyễn Văn D; Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Bảo S, sinh ngày 20/5/2015 cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 10 năm 2020 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị Ph không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở; Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết; Về án phí: Chị Lê Thị Ph phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Những người làm chứng đều vắng mặt nhưng trước đó đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Lê Thị Ph và anh Nguyễn Văn D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện Th, tỉnh Hải Dương ngày 25/6/2014, nên có đủ cơ sở xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong quá trình chung sống vợ chồng không tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau từ đó dẫn đến nghi ngờ nhau, cãi nhau. Đầu năm 2020, chị Ph đã làm đơn xin ly hôn anh D nhưng sau đó lại rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ. Nhưng từ khi chị Ph rút đơn xin ly hôn vợ chồng cũng chỉ sống hạnh phúc

được thời gian ngắn sau đó lại mâu thuẫn, cãi nhau. Đến nay chị Ph xin ly hôn, anh D đồng ý. Do vậy căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn của chị Lê Thị Ph và anh Nguyễn Văn D.

[3] **Về quan hệ con chung:** Chị Ph, anh D đều xác định có 01 con chung là Nguyễn Bảo S, sinh ngày 20/5/2015. Ly hôn chị Ph, anh D đều xin nhận nuôi con và tự nguyện không yêu cầu bên không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án chị Ph và anh D đều xuất trình cho Tòa án bảng lương để chứng minh thu nhập ổn định và thời gian làm việc hành chính hàng ngày 8 tiếng, đảm bảo thời gian và điều kiện nuôi con. Về chỗ ở chị Ph, anh D đều xác định nếu bán ngôi nhà là tài sản chung của vợ chồng ở phường Việt Hòa cả hai sẽ mua nhà chỗ khác để ở và nuôi con. Gia đình anh D cũng như gia đình chị Ph sẽ tạo mọi điều kiện để cho anh chị nuôi con đến khi trưởng thành.

Xét thấy: Về điều kiện vật chất cũng như chỗ ăn ở của chị Ph, anh D đều đảm bảo nuôi dưỡng cháu S tốt nhất, nhưng do hiện nay cháu S còn nhỏ cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Chị Ph hiện là viên chức tại trường Cao Đẳng được trung ương Hải Dương, làm việc trong môi trường giáo dục, thời gian làm việc hành chính 8 tiếng/ngày, được nghỉ thứ bảy và chủ nhật, có mức thu nhập hàng tháng ổn định, có nhiều thời gian chăm sóc cho cháu S. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Bảo S cho chị Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 10 năm 2020 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị Ph không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] **Về tài sản chung, nợ chung:** Chị Ph, anh D đều không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] **Về án phí:** Chị Lê Thị Ph phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 229, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí

năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 -12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Ph và anh Nguyễn Văn D.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Lê Thị Ph trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Bảo S, sinh ngày 20/5/2015 kể từ tháng 10 năm 2020 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị Ph không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Ph phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được đổi trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Ph đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0002436 ngày 06/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị Ph đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- UBND xã Thanh Thủy, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Trường Giang